

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO BẰNG
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 150/2023/HSST
Ngày 26/10/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG, TỈNH CAO BẰNG:

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lã Văn Luật

Ông Đoàn Văn Hộ

- Thư ký phiên toà: Bà Mã Thùy Dung – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà: Ông Hoàng Trường Long - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2023 tại Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 138/2023/HSST ngày 04 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 226/2023/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 10 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Đỗ Viễn D - sinh ngày 18 tháng 9 năm 1990 tại thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Nơi cư trú: tổ A, phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 11/12; dân tộc: mông; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Ngọc Đ - sinh năm 1970 và bà Ngô Hồng T (đã chết); có vợ là Lê Thị Hồng A - sinh năm 1990 và 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: không; đặc điểm nhân thân: năm 2012 bị Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng xử phạt 07 (bảy) năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/6/2023, hiện đang giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố C, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

2. Triệu Văn T1 - sinh ngày 12 tháng 4 năm 2000 tại huyện T, tỉnh Cao Bằng; Nơi cư trú: xóm C, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Dao; giới tính: nam, tôn giáo: không; quốc tịch Việt Nam; con ông Triệu Văn P - sinh năm 1982 và bà Triệu Thị S - sinh năm 1984; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; đặc điểm nhân thân: năm 2022 bị Công an thành phố C, tỉnh Cao Bằng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày

08/6/2023, hiện đang giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố C, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

3. Lê Quang V - sinh ngày 23/01/1993 tại huyện T, tỉnh Cao Bằng; Nơi cư trú: xóm N, xã K, huyện T, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Dao, giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H (đã chết) và bà Lý Thị S1 - sinh năm 1964; có vợ là Lương Thị H1 - sinh năm 1998 và 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/6/2023, hiện đang giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố C, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

4. Vương Văn T2 - sinh ngày 07/02/1983 tại huyện T, tỉnh Cao Bằng; Nơi cư trú: xóm X, xã K, huyện T, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Nùng, giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vương Văn T3 (đã chết) và bà Vương Thị T4 - sinh năm 1965; có vợ là Đinh Thị T5 - sinh năm 1983 và 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: không; đặc điểm nhân thân: năm 2019 bị Công an huyện T, tỉnh Cao Bằng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/6/2023, hiện đang giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố C, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo:*

1. Ông Triệu Bằng G - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C bào chữa cho các bị cáo Triệu Văn T1 và Lê Quang V; có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị T6 – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C bào chữa cho bị cáo Vương Văn T2; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Lê Thị Hồng A; sinh năm 1990; trú tại: tổ A, phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

2/ Vương Thị L - sinh năm 1990; trú tại: xóm X, xã K, huyện T, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 13 giờ 10 phút ngày 08/6/2023 tổ công tác của Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế - ma túy Công an thành phố C, tỉnh Cao Bằng đang làm nhiệm vụ tại khu vực tổ A, phường T, thành phố C thì phát hiện Triệu Văn T1, sinh năm 2000 (trú tại: xóm C, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng); Lê Quang V, sinh năm 1992 (trú tại: xóm N, xã K, huyện T, tỉnh Cao Bằng); Vương Văn T2, sinh năm 1983 (trú tại: xóm X, xã K, huyện T, tỉnh Cao Bằng) có biểu hiện nghi vấn hoạt động phạm tội về ma túy nên tiến hành kiểm tra thì Triệu Văn T1 tự giác giao nộp 01 (Một) gói giấy bạc màu vàng bên trong có chứa chất bột màu trắng dạng cục lẫn bột. Triệu Văn T1 khai nhận số chất bột màu trắng là H2, T1 đã dùng

điện thoại của V gọi điện giao dịch mua bán và dùng tiền của T2 để đi mua với người đàn ông tên là Tèo Đ1 nhà ở khu vực trường T8 về sử dụng chung. Quá trình kiểm tra còn thu giữ: 02 (Hai) điện thoại di động, 03 (Ba) bơm xi lanh kim tiêm, 01 (Một) lọ nước cất và 01 (Một) xe mô tô.

Qua đấu tranh, xác minh ban đầu xác định được người đàn ông tên là Tèo Đ1 đã bán ma túy cho Triệu Văn T1 tên là Đỗ Viễn D. Hồi 16 giờ ngày 08/6/2023 cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố C đã khám xét chỗ ở của Đỗ Viễn D, sinh năm 1990 tại tổ A, phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng thu giữ 01 (Một) vỏ bao thuốc lá màu trắng, bên trong có 01 (Một) gói giấy viết màu trắng có chữ bên trong chứa chất bột màu trắng dạng cục lẫn bột; 01 (Một) túi nilon màu đen bên trong có 01 (Một) túi nilon zip bên trong chứa chất bột màu trắng dạng cục lẫn bột; 01 (Một) cân điện tử; 02 (Hai) điện thoại di động và số tiền 1.210.000đ (Một triệu hai trăm mười nghìn đồng). Đỗ Viễn D khai nhận: Toàn bộ số chất bột màu trắng bị thu giữ là Heroine.

Cùng ngày, cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh C đã tiến hành mở niêm phong, cân xác định khối lượng vật chứng thu giữ của Triệu Văn T1, Lê Quang V và Vương Văn T2 có tổng khối lượng là 0,12g (Không thấy một hai gam). Khối lượng vật chứng thu giữ của Đỗ Viễn D có tổng khối lượng là 13,02g (Một ba phần mười không hai gam).

Bản kết luận giám định số 228/KL-KTHS ngày 16/6/2023 của Phòng K Công an tỉnh C kết luận: 03 (Ba) mẫu chất bột màu trắng bên trong 03 (Ba) phong bì niêm phong gửi giám định đều là ma túy, loại: Heroine (Heroin).

Quá trình điều tra, Đỗ Viễn D khai: khoảng 10 giờ ngày 05/6/2023 D đi xe khách từ nhà tại tổ A, phường T, thành phố C đến huyện T, tỉnh Cao Bằng tìm mua ma túy để sử dụng cho bản thân và bán lại kiếm lời. Khi đến khu vực chợ T9 thuộc xã Đ, D đi vào trong chợ gặp một người đàn ông không quen biết có biểu hiện giống người nghiện nên đã chủ động tiến lại gần hỏi mua ma túy. D đưa cho người đàn ông đó số tiền 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng), người đàn ông cầm tiền rồi đi đâu đó khoảng 30 phút sau quay lại đưa cho D 01 (Một) túi nilon màu đen bên trong có 01 (Một) túi nilon zip màu trắng chứa Heroine. Sau khi mua được heroine D mang về để trong ngăn kéo tủ trưng bày trong quán cắt tóc tại nhà. Từ ngày 05/6/2023 đến ngày 07/6/2023 mỗi ngày D bớt ra một phần Heroine để sử dụng cho bản thân. Đến khoảng 23 giờ ngày 07/6/2023 D bớt ra một phần ma túy cho vào trong gói giấy trắng có chữ rồi gói lại cất vào trong ngăn kéo dưới gầm bàn trong quán cắt tóc.

Khoảng 13 giờ ngày 08/6/2023 Triệu Văn T1 gọi điện thoại cho D hỏi mua H2 thì D đồng ý và hẹn T1 đến khu vực cầu thang từ tầng 3 lên tầng 4 của khoa N1 Bệnh viện đa khoa tỉnh Cao Bằng. Sau đó D bớt một phần ma túy trong gói giấy màu trắng ra cho vào 01 (Một) gói giấy bạc màu vàng rồi đi đến địa điểm đã hẹn, D đưa cho T1 gói Heroine và nhận từ T1 số tiền 188.000đ (Một trăm tám mươi tám nghìn đồng).

Triệu Văn T1, Lê Quang V và Vương Văn T2 đều khai: khoảng 11 giờ ngày 08/6/2023, T2 điều khiển xe mô tô mượn của em gái là Vương Thị L, sinh

năm 1990 (trú tại: xóm X, xã K, huyện T, tỉnh Cao Bằng) di chuyển đến khu vực cổng Bệnh viện đa khoa tỉnh C để tìm mua ma túy về sử dụng. Khi đến gần bệnh viện T2 gặp V, tại đây cả hai bàn bạc về việc đi tìm mua ma túy về cùng nhau sử dụng, rồi T2 điều khiển xe chở theo V đến cổng bệnh viện thì gặp T1, V rủ T1 đi mua ma túy về cùng nhau sử dụng thì T1 Đồng ý nên T2 đã đưa cho T1 số tiền 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) để mua ma túy rồi bảo T1 mua thêm 01 (*Một*) chai nước ngọt để uống. T1 cầm tiền và mượn điện thoại của V để gọi cho Đỗ Viễn D hỏi mua ma túy thì D đồng ý và hẹn T1 đến khu vực cầu thang từ tầng 3 lên tầng 4 của khoa N1 Bệnh viện đa khoa tỉnh C để giao dịch. Trên đường đi T1 đã mua 01 (*Một*) chai nước hết 12.000đ (*Mười hai nghìn đồng*), khi đến địa điểm hẹn T1 đưa cho D số tiền 188.000đ (*Một trăm tám mươi tám nghìn đồng*) và nhận từ D 01 (*Một*) gói Heroine rồi quay lại cổng bệnh viện. Trong khi đợi T1 đi mua ma túy, T2 đã đi mua 03 (*Ba*) xi lanh kim tiêm và 01 (*Một*) lọ novocain. Khi cả ba đi đến khu vực tổ A, phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng để tìm chỗ sử dụng ma túy thì bị phát hiện, bắt quả tang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Vương Thị L khai chiếc xe mô tô biển kiểm soát 11F9 - 3959 là của chị mua lại của bà Hoàng Thị T7 vào năm 2020 để phục vụ nhu cầu lao động của gia đình. Ngày 08/6/2023 bị cáo T2 hỏi mượn chiếc xe nhưng không nói rõ là đi đâu, việc T2 sử dụng xe để đi tìm mua ma túy chị không biết nên đã làm đơn xin lại tài sản. Quá trình điều tra chị đã được nhận lại chiếc xe và không có yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Lê Thị Hồng A khai chị là vợ của bị cáo D, quá trình cơ quan chức năng khám xét chỗ ở của bị cáo có thu giữ 01 (*Một*) chiếc điện thoại di động màu trắng là tài sản của chị sử dụng để liên lạc hàng ngày, do điện thoại của bị cáo D bị hỏng nên đã mượn điện thoại của chị dùng tạm, việc bị cáo dùng điện thoại để giao dịch mua bán ma túy chị không biết nên chị đề nghị được trả lại chiếc điện thoại trên.

Bản cáo trạng số 141/CT-VKSTP ngày 04/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng quyết định truy tố bị cáo Đỗ Viễn D về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự, truy tố các bị cáo Triệu Văn T1, Lê Quang V và Vương Văn T2 về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự,

Tại phiên tòa:

Các bị cáo đều thừa nhận bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đã phản ánh đúng hành vi phạm tội của mình, đồng thời Đỗ Viễn D khai: chiếc cân điện tử bị thu giữ không còn giá trị sử dụng nên đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật; trong số tiền 1.210.000đ (*Một triệu hai trăm mười nghìn đồng*) bị thu giữ có 188.000đ (*Một trăm tám mươi tám nghìn đồng*) bị cáo bán ma túy cho T1, còn lại là tiền bị cáo lao động mà có nên đề nghị được trả lại.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo và trình bày quan

điểm về nguyên nhân phạm tội và hướng giải quyết vụ án như sau: Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức rõ ma túy là vật cấm tàng trữ, lưu hành xong vì lợi nhuận từ việc mua bán trái phép chất ma túy bị cáo Đỗ Viễn D đã mua ma túy để bán lại kiếm lời, còn các bị cáo Triệu Văn T1, Lê Quang V và Vương Văn T2 để thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy của bản thân đã bất chấp quy định của pháp luật thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước đồng thời cũng là nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội khác nên cần xử lý nghiêm khắc. Xét thấy việc cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định là cần thiết, tuy nhiên cần xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của các bị cáo để đưa ra mức hình phạt phù hợp. Tại phiên tòa vợ của bị cáo D có đơn trình bày về hoàn cảnh gia đình và đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, xét thấy nội dung này không thuộc trường hợp được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, cân nhắc khi nghị án. Với những lập luận trên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Đỗ Viễn D từ 09 năm 06 tháng đến 10 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo Triệu Văn T1, Vương Văn T2 từ 13 đến 16 tháng tù, xử phạt bị cáo Lê Quang V từ 12 đến 15 tháng tù.

Về vật chứng của vụ án: Đề nghị tịch thu, tiêu hủy vật chứng là ma túy, bơm xi lanh kim tiêm, lọ novocain và các vật chứng không còn giá trị sử dụng; tịch thu phát mại điện thoại di động của bị cáo V do sử dụng để giao dịch mua bán ma túy, tịch thu số tiền 188.000đ (*Một trăm tám mươi tám nghìn đồng*) của bị cáo Đỗ Viễn D và trả lại cho bị cáo D số tiền 1.022.000đ (*Một triệu không trăm hai mươi hai nghìn đồng*) nhưng cần giữ lại để đảm bảo thi hành án; Trả lại cho bị cáo Đỗ Viễn D 01 (*Một*) điện thoại di động và trả lại cho bị cáo Vương Văn T2 01 (*Một*) điện thoại di động vì không liên quan đến hành vi phạm tội. Đối với chiếc điện thoại bị cáo D dùng để giao dịch mua bán ma túy là của vợ bị cáo, việc bị cáo sử dụng điện thoại để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật chị Lê Thị Hồng A không biết nên đề nghị trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp.

Ông Triệu Bằng G bào chữa cho các bị cáo Lê Quang V và Triệu Văn T1 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh của các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, mức độ tiếp cận pháp luật có phần hạn chế nên bị lôi kéo, phụ thuộc vào ma túy. Mặt khác quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, riêng bị cáo T1 khi cơ quan chức năng kiểm tra đã tự nguyện giao nộp gói ma túy nên đề nghị cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt các bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt và đề nghị miễn án phí cho các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị T6 bào chữa cho bị cáo Vương Văn T2, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về khối lượng ma túy các bị cáo tàng trữ vừa đủ để cấu thành tội Tàng trữ trái phép chất ma túy để áp dụng hình phạt ở mức khởi điểm mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị cho bị cáo T2 và miễn án phí cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo đều nhất trí với kết luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng và luận cứ bào chữa của những người bào chữa về tội danh, hành vi phạm tội, mức hình phạt và quan điểm xử lý nên không có ý kiến tranh luận.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhất trí với đề nghị của Viện Kiểm sát và không trình bày ý kiến tại phần tranh luận.

Trong phần đối đáp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng không nhất trí áp với đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự cho bị cáo T1 và bị cáo V vì các bị cáo mặc dù sinh sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng bị cáo T1 được học đến lớp 9 và bị cáo Vũ H đến lớp 7 nên không thể coi là không có điều kiện tiếp cận pháp luật. Mặt khác, bị cáo T1 sau khi bị phát hiện, bắt quả tang mới tự nguyện giao nộp gói ma túy nên không được coi là “đầu thú”.

Khi được nói lời sau cùng, các bị cáo đều thừa nhận hành vi của mình là sai trái và tỏ thái độ ăn năn hối cải, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét được hưởng mức án thấp nhất để có cơ hội sửa chữa sai lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội: Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra vụ án. Cụ thể như: biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám do Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế - ma túy Công an thành phố C, tỉnh Cao Bằng lập và vật chứng thu giữ.

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử nhận định, có đủ căn cứ chứng minh vào hồi 13 giờ 10 phút ngày 08/6/2023 tổ công tác Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế - ma túy Công an thành phố C, tỉnh Cao Bằng bắt quả tang Triệu Văn T1,

Lê Quang V và Vương Văn T2 đang tàng trữ 0,12g (*Không thấy một hai gam*) Heroine do T1 dùng tiền của T2 và V, điện thoại của V giao dịch mua bán một người tên là Tèo Đ1 để cùng nhau sử dụng; tiến hành khám xét chỗ ở của Đỗ Viễn D tại tổ A, phường T, thành phố C phát hiện D đang tàng trữ 13,02g (*Một ba thấy không hai gam*) Heroine với mục đích sử dụng cho bản thân và bán kiếm lời.

Về nguồn gốc số ma túy trên là do Đỗ Viễn D mua với một người không quen biết ở khu vực chợ T9 thuộc xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng với số tiền 16.000.000đ (*Mười sáu triệu đồng*). Do vậy Đỗ Viễn D phải chịu trách nhiệm hình sự đối với 13,14g (*Một ba thấy một bốn gam*) Heroine.

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà N về ma túy. Khi thực hiện hành vi, các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và biết rõ tác hại của ma túy nhưng do xem thường pháp luật và để có ma túy sử dụng nên đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý.

Từ các chứng cứ trên có đủ cơ sở kết luận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo Đỗ Viễn D về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự và truy tố các bị cáo Triệu Văn T1, Lê Quang V và Vương Văn T2 về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan.

[3]. Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong vụ án này bị cáo Đỗ Viễn D trực tiếp đi tìm mua ma túy đem về nhà cất giấu, mục đích vừa sử dụng cho bản thân vừa bán lại kiếm lời với khối lượng ma túy phát hiện được là 13,14g (*Một ba thấy một bốn gam*), do vậy hành vi của bị cáo đã thỏa mãn các dấu hiệu của tội mua bán trái phép chất ma túy với tình tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự. Do bản thân nghiện ma túy các bị cáo Triệu Văn T1, Lê Quang V và Vương Văn T2 đã cùng nhau mua ma túy để sử dụng nên các bị cáo phạm tội trong trường hợp đồng phạm giản đơn, không có sự phân công bàn bạc cụ thể, trong đó bị cáo T2 là người góp tiền, bị cáo V là người chủ động rủ và dùng điện thoại của mình cho bị cáo T1 giao dịch mua bán, còn bị cáo T1 là người trực tiếp đi mua ma túy để cùng nhau sử dụng, Hội đồng xét xử đánh giá vai trò của ba bị cáo là bằng nhau.

Xét thấy hành vi của các bị cáo là rất nghiêm trọng, đi ngược lại chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong cuộc đấu tranh đẩy lùi và bài trừ tệ nạn ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội nên cần xử lý nghiêm khắc để làm gương cho người khác, đồng thời phục vụ công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm ma túy ở địa phương.

Nhân thân: Ngoài bị cáo V thì các bị cáo đều có đặc điểm nhân thân xấu.

Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội nên khi quyết định hình phạt cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Riêng bị cáo Đỗ Viễn D là người dân tộc Mông, mặc dù sinh sống trên địa bàn có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số nhưng trong những năm gần đây Đảng và Nhà nước đã có những chính sách thể hiện sự quan tâm hơn cả đối với đồng bào dân tộc Mông trên địa bàn tỉnh Cao Bằng nên Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ bị cáo là người dân tộc thiểu số cho bị cáo. Tại phiên tòa chị Lê Thị Hồng A khai bị cáo là lao động chính trong gia đình có con riêng của vợ là cháu Lưu Thành Đ2 bị khuyết tật, theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì quyền, nghĩa vụ của cha dượng đối với con riêng cùng chung sống thực hiện như quyền, nghĩa vụ của cha đẻ, do đó Hội đồng xét xử quyết định cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Người bào chữa đề nghị cho các bị cáo Triệu Văn T1 và Lê Quang V được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo mặc dù sinh sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng bị cáo T1 được học đến lớp 9, bị cáo Vũ h đến lớp 7 nên không thể coi là không có điều kiện tiếp cận pháp luật; bị cáo T1 sau khi bị phát hiện, bắt quả tang mới tự nguyện giao nộp gói ma túy nên không được coi là “đầu thú”, do đó không có căn cứ chấp nhận đề nghị của người bào chữa.

Tình tiết tăng nặng: Không có.

[4]. Hình phạt chính: Hội đồng xét xử xét thấy, cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo mới có tác dụng cải tạo, giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Đối với các bị cáo T1, V và T2 mặc dù vai trò của các bị cáo bằng nhau nhưng khi xem xét đến đặc điểm nhân thân đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng đã đề nghị mức hình phạt của bị cáo V thấp hơn bị cáo T1 và bị cáo T2 là có căn cứ.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[6]. Việc xử lý vật chứng:

Căn cứ quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, xét thấy cần tịch thu tiêu hủy vật chứng là ma túy vì là vật bị cấm tàng trữ, lưu hành, các vật chứng bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật và các vật dụng không còn giá trị sử dụng; tịch thu phát mại nộp ngân sách nhà nước điện thoại di động của bị cáo V do sử dụng để liên lạc mua bán ma túy.

Tịch thu số tiền 188.000đ (*Một trăm tám mươi tám nghìn đồng*) của bị cáo Đỗ Viễn D do bán ma túy mà có và trả lại cho bị cáo số tiền 1.022.000đ (*Một triệu không trăm hai mươi hai nghìn đồng*); trả lại cho bị cáo Đỗ Viễn D 01 (*Một*) điện thoại di động và trả lại cho bị cáo Vương Văn T2 01 (*Một*) điện thoại di động do không liên quan đến hành vi phạm tội.

Đối với chiếc điện thoại bị cáo D dùng để giao dịch mua bán ma túy là của vợ bị cáo, việc bị cáo sử dụng điện thoại để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật chị Lê Thị Hồng A không biết nên cần trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp.

Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 11F9 - 2959 là tài sản của chị Vương Thị L, quá trình điều tra cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố C đã trả lại chiếc xe

cho chủ sở hữu hợp pháp vì xét thấy việc trả lại chiếc xe không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án là phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[7]. Các nhận định khác:

Quá trình điều tra không xác định được danh tính, nhân thân và địa chỉ của người đàn ông đã bán ma túy cho bị cáo D ở chợ T9 thuộc xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng nên xét thấy không đủ căn cứ để kiến nghị mở rộng vụ án.

[8]. Về nghĩa vụ chịu án phí: Bị cáo Đỗ Viễn D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Các bị cáo Triệu Văn T1, Lê Quang V và Vương Văn T2 là đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tại phiên tòa về tội danh, hình phạt và quan điểm xử lý vật chứng là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hoàn cảnh kinh tế của các bị cáo, nên cần được chấp nhận.

Xét đề nghị áp dụng mức hình phạt nhẹ nhất cho các bị cáo của những người bào chữa là thể hiện tính khoan dung, nhân đạo của pháp luật nên cần được cân nhắc khi nghị án.

Xét đề nghị xin được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất của các bị cáo là thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, nên cần được xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và mức hình phạt:

1.1. Căn cứ vào điểm i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự tuyên bố bị cáo Đỗ Viễn D phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Xử phạt Đỗ Viễn D 09 (Chín) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 08/6/2023.

1.2. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17 và Điều 38 của Bộ luật hình sự tuyên bố các bị cáo Triệu Văn T1, Lê Quang V, Vương Văn T2 phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt Triệu Văn T1 13 (Mười ba) tháng tù thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 08/6/2023.

Xử phạt Lê Quang V 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 08/6/2023.

Xử phạt Vương Văn T2 13 (Mười ba) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 08/6/2023.

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) phong bì niêm phong mặt trước ghi “Số 288/KL-KTHS. Hoàn mẫu vụ Triệu Văn T1, Lê Quang V, Vương Văn T2, Đỗ Viễn D,

bắt ngày 08/6/2023” (Kèm theo Kết luận giám định số: 288/KL-KTHS, ngày 16/6/2023 của Phòng K Công an tỉnh C; 01 (Một) phong bì niêm phong mặt trước ghi “Tang vật cân KX01 Đỗ Viễn D, sinh năm 1990; HKTT: Tổ A, phường T, TP .”; 01 (Một) phong bì niêm phong mặt trước ghi “Tang vật cân KX02 Đỗ Viễn D, sinh năm 1990; HKTT: Tổ A, phường T, TP .”; 01 (Một) phong bì niêm phong mặt trước ghi: “Phong bì niêm phong vỏ tang vật quả tang Vương Văn T2 cùng đồng bọn có hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy”; 01 (Một) phong bì niêm phong mặt trước ghi: “Phong bì niêm phong vỏ tang vật KX01 Đỗ Viễn D, sinh năm 1990; HKTT: Tổ A, phường T, TP .”; 01 (Một) phong bì niêm phong mặt trước ghi: “Phong bì niêm phong vỏ tang vật “KX02” Đỗ Viễn D, sinh năm 1990; HKTT: Tổ A, phường T, TP .”; 01 (Một) cân điện tử màu đen có chữ “POCKET SCALE” đã qua sử dụng; 03 (Ba) bơm xi lanh kim tiêm và 01 (Một) lọ novocain chưa qua sử dụng.

- Tịch thu phát mại nộp ngân sách Nhà nước: 01 (Một) điện thoại di động cảm ứng màu xanh đen, mặt sau có chữ VIVO, mặt trước màn hình bị nứt vỡ, có số IMEI (theo Quyết định chuyển vật chứng): IMEI 1: 864825049866937, IMEI 2: 864825049866929, điện thoại cũ đã qua sử dụng, do điện thoại không khởi động được nên không kiểm tra thực tế được số IMEI trong máy.

- Trả lại cho bị cáo Vương Văn T2 01 (Một) điện thoại di động (loại bàn phím) màu xanh đen, mặt trước và mặt sau có chữ NOKIA, có số Seri 1: 353148111867115, Seri 2: 35314811687110, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo Đỗ Viễn D 01 (Một) điện thoại di động cảm ứng màu trắng, có chữ Iphone, mặt sau điện thoại có nhiều vết nứt vỡ, có số IMEI (theo Quyết định chuyển vật chứng): 354862095254905, điện thoại cũ đã qua sử dụng, do điện thoại không khởi động được nên không kiểm tra thực tế được số IMEI trong máy.

- Trả lại cho chị Lê Thị Hồng A (địa chỉ: tổ A, phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) 01 (Một) điện thoại di động cảm ứng màu trắng, mặt trước màn hình có vết nứt, vỡ, có số IMEI (theo Quyết định chuyển vật chứng): 352867112447608, điện thoại cũ đã qua sử dụng, do điện thoại không khởi động được nên không kiểm tra thực tế được số IMEI trong máy.

- Đối với số tiền Việt Nam: 1.210.000đ (Một triệu hai trăm mười nghìn đồng) cơ quan Công an thành phố C đã chuyển vào tài khoản 3949.0.1035584.00000 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng mở tại kho bạc Nhà nước tỉnh Cao Bằng theo ủy nhiệm chi số 17 ngày 12/10/2023 xử lý như sau: tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 188.000đ (Một trăm tám mươi tám nghìn đồng) và trả lại cho bị cáo Đỗ Viễn D số tiền 1.022.000đ (Một triệu không trăm hai mươi hai nghìn đồng) nhưng cần giữ lại để đảm bảo thi hành án.

Xác nhận toàn bộ các vật chứng nêu trên đã được chuyển giao cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng theo biên bản giao, nhận vật chứng số 01 ngày 16 tháng 10 năm 2023.

3. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 12 và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Đỗ Viễn D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) nộp ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo Triệu Văn T1, Lê Quang V, Vương Văn T2 được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

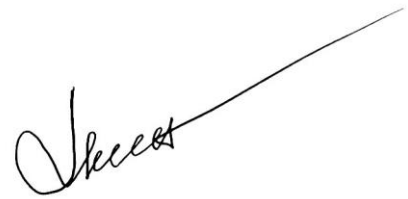
Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Công an tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát tỉnh Cao Bằng;
- Sở tư pháp;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Công an TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Lê Thị

Hiền